

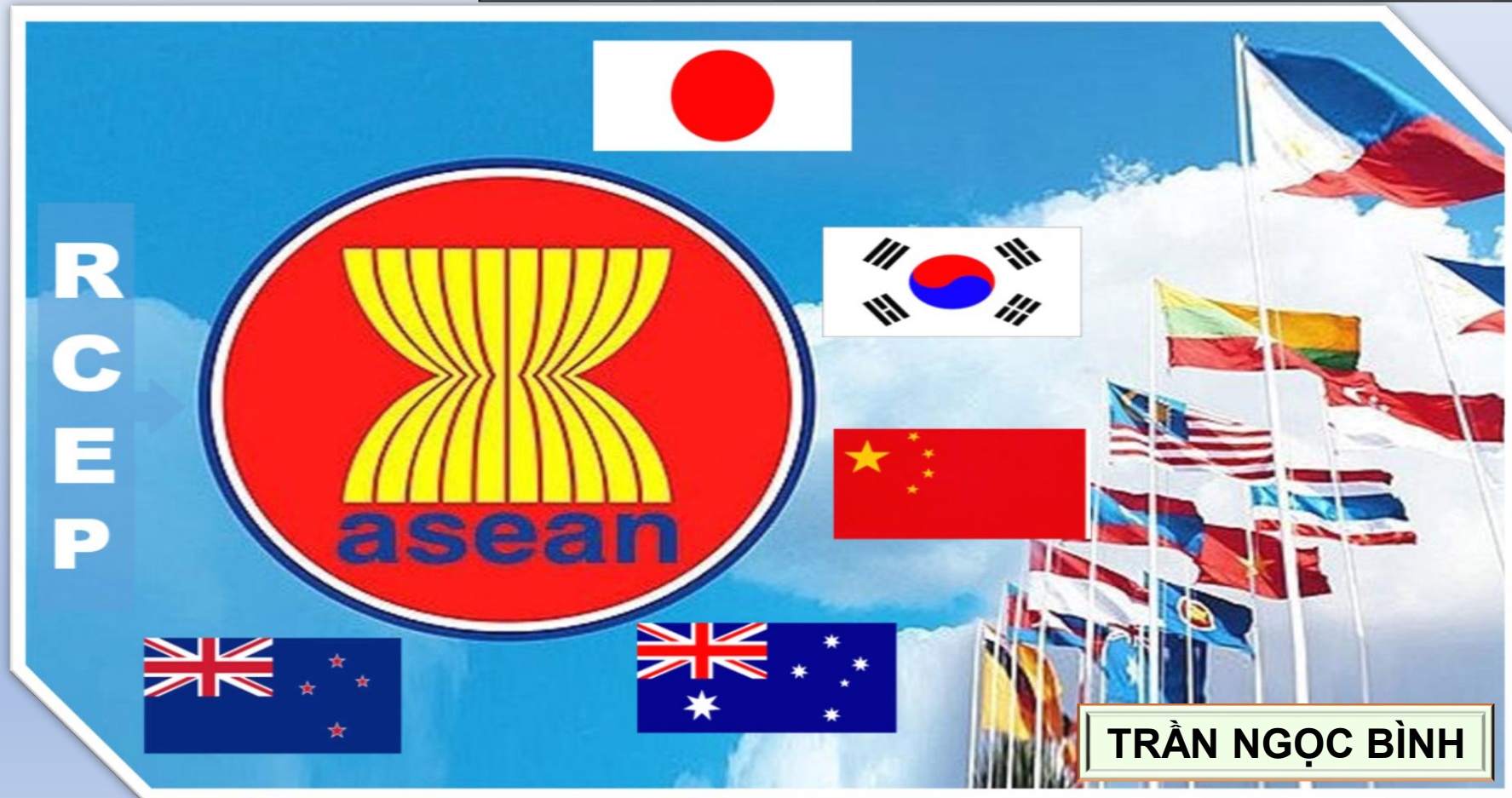
MOIT



MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

TP. HỒ CHÍ MINH
09.03.2022

CHUYÊN ĐỀ: SO SÁNH QUY TẮC XXHH TRONG RCEP VỚI CÁC FTA MÀ VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC LÀ THÀNH VIÊN



TRẦN NGỌC BÌNH

PHÒNG QUẢN LÝ XNK KV TP HỒ CHÍ MINH - CỤC XUẤT NHẬP KHẨU

MOIT



MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CÁC FTA VIỆT NAM THAM GIA



FTA ĐA PHƯƠNG

CPTPP

ASEAN-
India

ASEAN-
HongKong

ATIGA

ASEAN-
Korea

ASEAN-
Japan

ASEAN-
China

ASEAN-
Australia -
NewZealand

RCEP



FTA SONG PHƯƠNG

VN-Korea

VN-Japan

VN- Chile

VN-EAEU

EVFTA

UKVFTA

VN - EFTA

VN - IL

15 FTA
Đang thực thi

Đang đàm phán

MOIT

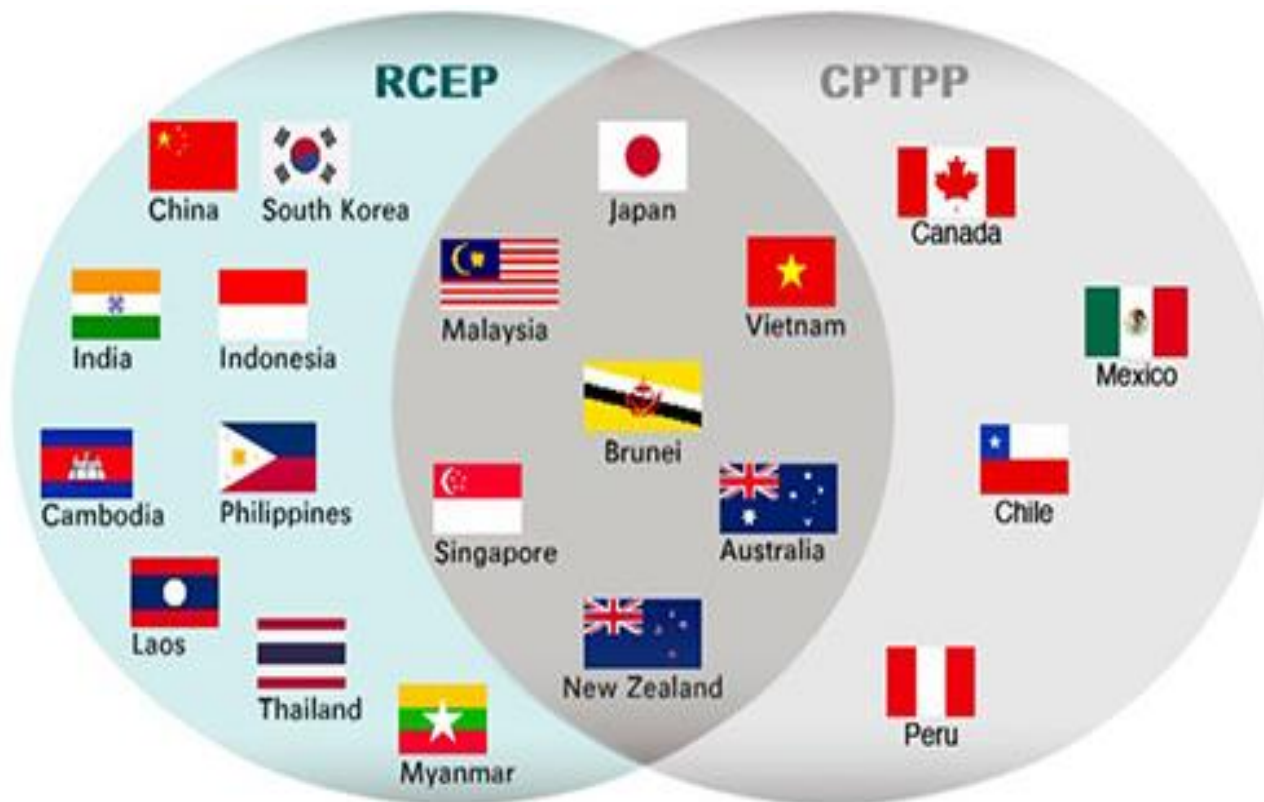


MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



RCEP & CPTPP

RCEP
15
NƯỚC
THÀNH
VIÊN



CPTPP
11
NƯỚC
THÀNH
VIÊN

**CÓ 7 NƯỚC CÙNG CHUNG THÀNH VIÊN CỦA CẢ
2 HIỆP ĐỊNH CPTPP & RCEP**

QUY TẮC XUẤT XỨ TRONG RCEP

QUY TẮC XUẤT XỨ

Xuất xứ thuần túy WO
Sản xuất toàn bộ PE



Xuất xứ
không thuần túy

Quy tắc cụ thể
mặt hàng PSR

RVC

CTC

CR

MOIT



MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

XUẤT XỨ THUẦN TÚY WO



STT	SẢN PHẨM	CÔNG ĐOẠN	ĐỊA ĐIỂM	GHI CHÚ
1	Cây trồng/ SP cây trồng	Trồng / thu hoạch		
2	Động vật sống/ Sản phẩm	Sinh ra và nuôi dưỡng Thu được từ động vật sống tại nước TV		
3	Sản phẩm	Giết mổ động vật sống được sinh ra, nuôi dưỡng	Lãnh thổ/ lãnh hải của nước TV	
4	- Sản phẩm - Nuôi trồng thủy sản	- Có được - Sinh ra hoặc nuôi dưỡng		- Săn, bắt, bẫy - Từ trứng, cá bột, cá nhỏ, ấu trùng
5	Khoáng chất, khoáng sản	Sản phẩm được khai từ đất /nước/đáy biển/ lòng đất dưới đáy biển		

MOIT



MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

XUẤT XỨ THUẦN TÚY WO



STT	SẢN PHẨM	CÔNG ĐOẠN	ĐỊA ĐIỂM	GHI CHÚ
6	Hải sản và các sinh vật biển khác	Đánh bắt	Ngoài lãnh hải, lãnh thổ	Tàu; Người nước TV
7	Hải sản và các sản phẩm từ biển khác			
8	Sản phẩm từ biển	Chế biến / sản xuất từ 6-7	Trong/ Ngoài vùng lãnh hải /đáy biển Trên tàu	
9	Hàng đã qua SD để tái chế nguyên liệu thô. Phế thải, phế liệu trong Qtrình SX, tiêu dùng;	Được thu nhặt tại nước TV	Lãnh thổ của nước TV	
10	Sản phẩm	Thu được/ sản xuất		Từ SP 1- 9

MOIT



MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

PE



Tại một
Nước thành viên,
và

**SX toàn bộ
trong RCEP**

Chỉ từ những NL có
xuất xứ từ một hoặc
nhiều Nước TV



Bột HS 1108



Trứng HS 0407



Đường HS 1701



Sữa HS 0401



Bánh ngọt
HS 190590

MOIT



MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



Công thức tính Hàm lượng giá trị khu vực RVC

Công thức gián tiếp

$$RVC = \frac{\text{Trị giá FOB} - \text{Trị giá VNM}}{\text{Trị giá FOB}} \times 100\%$$

Công thức trực tiếp

$$RVC = \frac{\begin{array}{c} \text{Trị giá} \\ \text{Ng.liệu} \\ \text{có xuất} \\ \text{xứ VOM} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Chi phí} \\ \text{nhan} \\ \text{công} \\ \text{trực tiếp} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Chi phí} \\ \text{phân bổ} \\ \text{trực tiếp} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Lợi} \\ \text{nhuận} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Chi phí} \\ \text{khác} \end{array}}{\text{Trị giá FOB}} \times 100\%$$

Khấu trừ chi phí từ NL không có XX hoặc không xác định được XX

(a) chi phí vận chuyển, bảo hiểm, đóng gói và tất cả các chi phí khác phát sinh trong quá trình vận chuyển NL tới nơi của nhà sản xuất HH;

(b) thuế, cước và chi phí môi giới hải quan, ngoại trừ thuế đã được miễn, được hoàn, hoặc có thể thu hồi khác; và

(c) chi phí xử lý phế thải và hồng hóc, trừ đi trị giá của phế liệu tái sử dụng hoặc sản phẩm phụ.

Trường hợp không biết/ không chứng minh được các chi phí được liệt kê từ điểm (a) đến điểm (c) thì không được điều chỉnh thêm trị giá NL.

CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HÀNG HOÁ (CTC)**HS
2012****HS trên
C/O là
HS của
nước
Nhập
khẩu****Tối
thiểu
6 số****C
T
C**

CC là chuyển đổi mã số HH ở cấp độ 2 số.
Điều này có nghĩa tất cả NL không có XX sử dụng trong quá trình SX ra SP phải trải qua sự chuyển đổi mã HS ở cấp 2 số (chuyển đổi Chương);

CTH là chuyển đổi mã số HH ở cấp độ 4 số.
Điều này có nghĩa tất cả NL không có XX sử dụng trong quá trình SX ra sản phẩm phải trải qua sự chuyển đổi mã HS ở cấp 4 số (chuyển đổi Nhóm);

CTSH là chuyển đổi mã số HH ở cấp độ 6 số.
Điều này có nghĩa tất cả NL không có XX sử dụng trong quá trình SX ra SP phải trải qua sự chuyển đổi mã HS ở cấp 6 số (chuyển đổi Phân nhóm).

De-minimis



Đây là tỉ lệ linh hoạt (không đáng kể) nguyên liệu không có XX, không đáp ứng tiêu chí **CTC**, nhưng được phép áp dụng.

1. Trị giá FOB (Tất cả 97 Chương): Tối đa 10%.
2. Trọng lượng (Từ Chương 50 - 63): Tối đa 10%.

Công thức tính DMI trong RCEP:

$$\frac{\text{Trị giá/NW của NL ko XX có HS trùng với HS của SP}}{\text{Trị giá FOB/NW của SP}} \leq 10\%$$

QUY TẮC
PHẢN ỨNG HOÁ HỌC

Sản phẩm thu được từ một phản ứng hóa học, là hàng hóa có xuất xứ nếu phản ứng hóa học đó diễn ra tại lãnh thổ của một nước thành viên

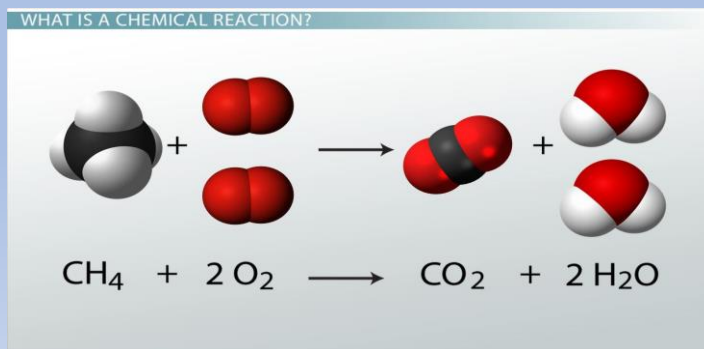
“Phản ứng hóa học” là một quá trình (bao gồm quá trình sinh hóa) dẫn tới việc sinh ra một phân tử có cấu trúc mới bằng việc phá vỡ các liên kết nội phân tử và tạo nên các liên kết nội phân tử mới, hoặc bằng việc thay đổi mạng không gian nguyên tử.

Trong các Chương 29 và 38, chỉ có **76 dòng** áp dụng:

$RVC40 = CTH = CR$ (Chemical Reaction)



Trên C/O:
CR



CÁC HOẠT ĐỘNG KHÔNG PHẢI PHẢN ỨNG HOÁ HỌC



a) Hòa tan
vào nước
hoặc các
dung môi
khác;

b) Khử các
dung môi
bao gồm
cả việc khử
nước;
hoặc

c) Thêm
nước vào
hoặc loại
bỏ nước ra
khỏi các
chất kết
tinh



QUY TẮC PHẢN ỨNG HOÁ HỌC**RCEP:**

- RVC40% = CTC = Quy tắc phản ứng hoá học
- 76 dòng thuộc Chương 29, 38

AANZ: - Trường hợp không áp dụng được RVC40 và CTC thì mới được áp dụng Quy tắc phản ứng hoá học

- Chương 28, 29, 32: Áp dụng Quy tắc phản ứng hoá học .

CPTPP: - CTC = Quy tắc phản ứng hoá học

- Chương 27, 39: Áp dụng Quy tắc phản ứng hoá học

- Chương 28-38: Áp dụng 1 trong 6 Quy tắc: Phản ứng hoá học, Tinh chế, Phối trộn, Thay đổi kích thước hạt, Vật liệu chuẩn, Tách đồng phân

MOIT



MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG GỘP RCEP



cumulation

CÁC LOẠI HÌNH CỘNG GỘP TRONG 15 FTA

Cộng gộp
đầy đủ

Accumulation

RCEP, D, E, AJ, AK,
AANZ, AI, AHK,
VJ, VK, VC, EAV,

Cộng gộp
từng phần

*Partial
Cumulation*

Chỉ riêng D

Cộng gộp
toàn phần

*Full
Cumulation*

CPTPP

Cộng gộp
mở rộng

*“Open”
Cumulation*

EVFTA,
UKVFTA

MOIT



MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CƠ CHẾ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HH TRONG RCEP



1. C/O form RCEP

2. Nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự CNXX. (Approved Exporter)

3. Bất kỳ nhà XK nào cũng được quyền tự CNXX

- Lào, CPC, Myanmar : 20 năm +10;
- VN và các QG còn lại : 10 năm + 10;

4. Bất kỳ nhà NK nào cũng được quyền tự CNXX

- Nhật Bản cam kết sẽ áp dụng kể từ khi RCEP có hiệu lực.
- * Các nước tiếp tục đàm phán cơ chế (4) trong vòng 5 năm kể từ khi thực thi Hiệp định RCEP.

**SƠ
SÁNH
CƠ CHẾ
CHỨNG
NHẬN
XXHH
TRONG
1 SỐ
FTA**

+ **RCEP**: 4 cơ chế;

* VN cam kết cấp C/O giấy cho nhà XK

+ **ATIGA**: - C/O (điện tử, giấy)

- Nhà xuất khẩu đủ điều kiện TCNXX

+ **ASEAN+1**: C/O giấy

+ **Song phương VN +1** : C/O giấy

+ **CPTPP**: VN : Cấp C/O giấy cho nhà XK

+ **EVFTA / UKVFTA**:

* VN: - C/O giấy

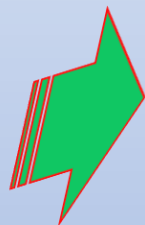
- Từ 6000€ trở xuống: nhà XK bất kỳ được TCNXX

* EU, UK: - Nhà XK đủ điều kiện

+ **GSP**: EU : - Nhà xuất khẩu đăng ký TCNXX (REX).

GB : - Form A giấy

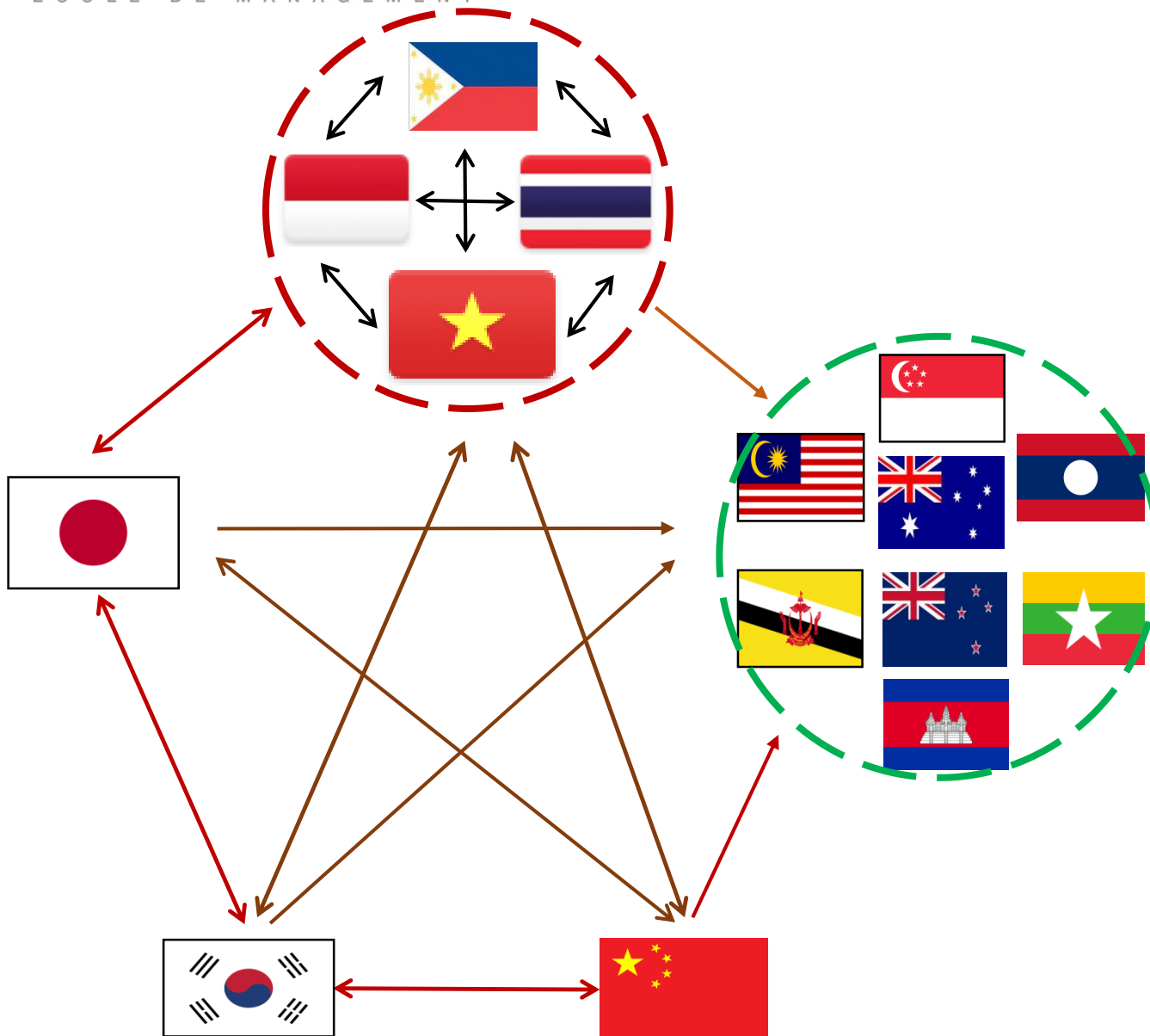
Lưu ý

**ÁP
DỤNG
TIÊU
CHÍ
XX
TRONG
PSR**

- Có thể áp dụng tiêu chí WO , PE: Cho toàn bộ SP trong PSR.
- Có thể áp dụng tiêu chí PE: Cho toàn bộ SP trong PSR khi SP được quy định là WO.

- Không quy định thể hiện các tiêu chí sau trên C/O:
 - * SP
 - * Tiêu chí phối hợp:
 - + RVC ... % + CTSH;
 - + CC + SP

KHÁC BIỆT THUẾ



Mỗi một nước
trong 7 nước
áp dụng
khác biệt thuế
sẽ ban hành
Danh mục
các mặt hàng
bị áp dụng
khác biệt thuế
cho các nước
TV RCEP

MOIT



MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

TP. HỒ CHÍ MINH
09.03.2022

CHUYÊN ĐỀ:
HƯỚNG DẪN LỰA CHỌN GIỮA
C/O RCEP VÀ C/O KHÁC VỚI 1 SỐ
MẶT HÀNG CỤ THỂ



TRẦN NGỌC BÌNH

PHÒNG QUẢN LÝ XNK KV TP HỒ CHÍ MINH - CỤC XUẤT NHẬP KHẨU

CƠ SỞ ĐỂ LỰA CHỌN FTA

THUẾ NK

**QUY TẮC
XUẤT XỨ**



06			Chương 6: Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và loại tương tự; cảnh hoa và cảnh lá trang trí	CC hoặc RVC40
07			Chương 7: Rau và một số loại củ, thân củ và rễ ăn được	
	07.01		Khoai tây, tươi hoặc ướp lạnh	WO
	07.02	0702.00	Cà chua, tươi hoặc ướp lạnh	WO
	07.03		Hành tây, hành, hẹ, tỏi, tỏi tây và các loại rau họ hành, tỏi khác, tươi hoặc ướp lạnh	WO
	07.04		Bắp cải, hoa lơ, su hào, cải xoăn và cây họ bắp cải ăn được tương tự, tươi hoặc ướp lạnh	WO



Phiên bản HS 2012			Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Chương	Nhóm	Phân nhóm		
		0801.11	- - Đã qua công đoạn làm khô	CC
		0801.12	- - Cùi dừa (cơm dừa)	CC
		0801.19	- - Loại khác	CC
			- Quả hạch Brazil:	
		0801.21	- - Chưa bóc vỏ	CC
		0801.22	- - Đã bóc vỏ	CC
			- Hạt điều:	
		0801.31	- - Chưa bóc vỏ	CC
		0801.32	- - Đã bóc vỏ	CC hoặc RVC40

NÔNG SẢN CHẾ BIẾN

16			Chương 16: Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác	
	16.01	1601.00	Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó	CC
	16.02		Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết, đã chế biến hoặc bảo quản khác	
		1602.10	- Chế phẩm đồng nhất:	CC
		1602.20	- Từ gan động vật	CC
			- Từ gia cầm thuộc nhóm 01.05:	

Nhóm hàng	RCEP	ATIGA	ACFTA	AKFTA	AJCEP	AANZ	CPTPP
160411 đến 160413	CC	CC; hoặc RVC 40%	CC; hoặc RVC 40%	160411 CC; hoặc RVC 40% 160412, 160613 RVC40	160411, 160612 CC ngoại trừ từ chương 3. 160413 CC	CC; hoặc RVC 40%	604.11 - 1604.12 CC
160419 160420	CC, RVC 40	CC; hoặc RVC 40%	CC; hoặc RVC 40%	CC; hoặc RVC 40%	CC ngoại trừ từ chương 3	CC; hoặc RVC 40%	CC, ngoại trừ từ Chương 3

Sản phẩm điện thoại



8517.11	- - Bộ điện thoại hữu tuyến với điện thoại cầm tay không dây	CTSH hoặc RVC40
8517.12	- - Điện thoại di động (telephones for cellular networks) hoặc điện thoại dùng cho mạng không dây khác	CTSH hoặc RVC40
8517.18	- - Loại khác	CTSH hoặc RVC40

Sản phẩm điện thoại



Nhóm hàng	RCEP	ATIGA	ACFTA	AKFTA	AJCEP	AANZ
851711	CTSH RVC 40%	RVC 40% CTH RVC35% +CTSH	CTSH RVC 40%	CTSH; RVC 40%	CTH RVC40%	RVC 40% CTH RVC35%+ CTSH
851712	CTSH, RVC 40%	RVC 40% CTH RVC35% +CTSH	RVC 40% CTSH	CTSH; RVC 40%	CTH RVC40%	RVC 40% CTH RVC35%+ CTSH

Gỗ và các SP gỗ Chương 44:
Chủ yếu CTH hoặc RVC 40%
Một số SP ở Nhóm :4410; 4411
và 4412: CTH .



Đồ nội thất bằng gỗ:
Chương 94:
CTH hoặc RVC40



44			Chương 44 Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ	
	44.01		Gỗ nhiên liệu, dạng khúc, thanh nhỏ, cành, bó hoặc các dạng tương tự; vỏ bào, dăm gỗ; phế liệu gỗ và mùn cưa, đã hoặc chưa đóng thành khối, bánh, viên hoặc các dạng tương tự.	CTH hoặc RVC40
	44.02		Than cùi (kể cả than đốt từ vỏ quả hoặc hạt), đã hoặc chưa đóng thành khối.	CTH hoặc RVC40
	44.10		Ván dăm, ván dăm định hướng (OSB) và các loại ván tương tự (ví dụ, ván xộp) bằng gỗ hoặc bằng các loại vật liệu có chất gỗ khác, đã hoặc chưa liên kết bằng keo hoặc bằng chất kết dính hữu cơ khác.	CTH
	44.11		Ván sợi bằng gỗ hoặc bằng các loại vật liệu có chất gỗ khác, đã hoặc chưa ghép lại bằng keo hoặc bằng các chất kết dính hữu cơ khác.	CTH
	44.12		Gỗ dán, tấm gỗ dán ván lạng và các tấm ván gỗ ép tương tự.	CTH
94			Chương 94 Đồ nội thất; bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nhồi tương tự; đèn và bộ đèn, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự; nhà lắp ghép	CTH hoặc RVC40

MÁY NÔNG NGHIỆP



84.32		Máy nông nghiệp, làm vườn hoặc lâm nghiệp dùng cho việc làm đất hoặc trồng trọt; máy cán cỏ hoặc sân chơi thể thao	
	8432.10	- Máy cày	CTSH hoặc RVC40
		- Máy bừa, máy cào, máy xới, máy làm cỏ và máy cuốc:	
	8432.21	- - Bừa đĩa	CTSH hoặc RVC40
	8432.29	- - Loại khác	CTSH hoặc RVC40
	8432.30	- Máy gieo hạt, máy trồng cây và máy cấy	CTSH hoặc RVC40
	8432.40	- Máy rải phân và máy rắc phân	CTSH hoặc RVC40
	8432.80	- Máy khác:	CTSH hoặc RVC40

DỆT MAY(Chương 50-63):

Vải: CTH

Một số dòng CTH có ngoại trừ.

Chương 60: CC

Quần áo: Chương 61 - 62: CC

Một số dòng ở Chương 63 : CC hoặc RVC 40%



	55.15		Các loại vải dệt thoi khác từ xơ staple tổng hợp.	CTH
	55.16		Vải dệt thoi từ xơ staple tái tạo.	
			- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo từ 85% trở lên:	
		5516.11	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	CTH ngoại trừ từ nhóm 55.09 đến 55.11
60			Chương 60 Các loại hàng dệt kim hoặc móc	CC
61			Chương 61 Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc	CC
62			Chương 62 Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc	CC
		6306.22	- - Từ sợi tổng hợp	CC hoặc RVC40
		6306.29	- - Từ vật liệu dệt khác:	CC hoặc RVC40
		6306.30	- Buồm cho tàu thuyền	CC hoặc RVC40

QUẦN ÁO



Nhóm hàng	RCEP	ATIGA	ACFTA	AKFTA	AJCEP	AANZ
 Quần áo (Chương 61-63)	 CC RVC40% (Không có quy tắc hàng dệt may SP; CC + SP)	 1. CC + sản phẩm phải được cắt và may tại lãnh thổ của bất kỳ nước thành viên nào 2. Quy tắc dệt may SP. 3. RVC40%	1. CTH 2. Quy tắc dệt may 3. RVC40% 	1. CC + sản phẩm được cắt và khâu tại bất kỳ nước thành viên nào 2. RVC40% 3. CC + loại trừ một số loại vải (2 công đoạn)	CC + sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ của một số nhóm + các nguyên liệu này được dệt thoi toàn bộ tại ít nhất một nước thành viên.	6206.10: Áo từ tơ tằm RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC 630110. Chăn điện: CC + nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước TV

Giày dép Chương 64



64			Chương 64 Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên	
	64.01		Giày, dép không thấm nước có đế ngoài và mũi bằng cao su hoặc plastic, mũi giày, dép không gắn hoặc lắp ghép với đế bằng cách khâu, tán đinh, xoáy ốc, cắm đế hoặc các cách tương tự.	CTH hoặc RVC40
	64.02		Các loại giày, dép khác có đế ngoài và mũi bằng cao su hoặc plastic.	CTH hoặc RVC40
	64.03		Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũi giày bằng da thuộc.	CTH hoặc RVC40
	64.04		Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũi giày bằng vật liệu dệt.	CTH hoặc RVC40
	64.05		Giày, dép khác.	CTH hoặc RVC40

* 64.06 (bán thành phẩm): CC hoặc RVC40

64.06			Các bộ phận của giày, dép (kể cả mũi giày đã hoặc chưa gắn đế trừ đế ngoài); miếng lót của giày, dép có thể tháo rời, gót giày và các sản phẩm tương tự; ghệt, quần ôm sát chân và các sản phẩm tương tự, và các bộ phận của chúng.	CC hoặc RVC40
-------	--	--	---	---------------

* 64.01 - 64.05 (Thành phẩm):
CTH hoặc RVC40



GIÀY DÉP



Nhóm hàng	RCEP	ATIGA	ACFTA	AKFTA	AJCEP	AANZ
6401- 6405	CTH hoặc RVC40	CTH hoặc RVC40	CTH hoặc RVC40	CTH hoặc RVC40	CC	CTH hoặc RVC40
6406	CC hoặc RVC40	CTH hoặc RVC40	CTH hoặc RVC40	CTH hoặc RVC40	CC	CTH hoặc RVC40



GIÀY DÉP

RCEP	CPTPP
HS 6401-6405 CTH hoặc RVC40	HS 6401 CC; CC + DMI hoặc CTH + RVC CTH : Ngoại trừ từ 64.02 đến 64.05, 64.06.10 hoặc cụm mũ giày, trừ từ gỗ, của phân nhóm 64.06.90 với điều kiện phải đáp ứng : RVC 45% BU, hoặc RVC 55% BD
HS 6406 CC hoặc RVC40	HS 6406 CC; hoặc RVC a) 45% BU; hoặc b) 55% BD



QUY ĐỊNH CẤP SAU **ISSUED RETROACTIVELY**

Sau 1 ngày và trong vòng 01 năm kể từ ngày giao hàng.

Vào ngày Hiệp định RCEP có hiệu lực, HH đang trong quá trình vận chuyển đến hoặc chưa được NK vào nước thành viên NK đáp ứng quy định tại Thông tư này được xem xét hưởng ưu đãi thuế quan. Nhà NK khai và nộp chứng từ CNXXHH trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày RCEP có hiệu lực.



CỤC XUẤT NHẬP KHẨU – BỘ CÔNG THƯƠNG

Phòng Xuất xứ hàng hóa

54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: 024. 22202468; 22205444. eMail:co@moit.gov.vn

Phòng QL XNK khu vực TP Hồ Chí Minh

12 Nguyễn Thị Minh Khai, p.Đa Kao, quận 1, TP HCM

ĐT: 028.39151433/6/8

eMail:xnktphochiminh@moit.gov.vn

TRẦN NGỌC BÌNH

Xin cảm ơn !